TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1867/2022/KDTM-ST
Ngày: 27/5/2022
V/v "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Thành Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phụng;
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

- Thư ký phiên tòa**:** Bà Vi Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 23/2020/TLST-KDTM ngày 19/5/2020 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1372/2022/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 1995/2022/QĐST-KDTM, ngày 06/4/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 2650/2022/QĐST-DS, ngày 27/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA;

Trụ sở: Lô K2-5 Đường CN6, khu Tân Kim Mở Rộng, ấp Tân Phước, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NMH, sinh năm 1989 (có mặt);

(Giấy ủy quyền số 27/SMCLA-UQ, ngày 17/3/2020).

Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 3 Đường 16, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông TVV - Chức vụ : Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3 Đường 16, khu phố 5, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 010302/SMCLA/HĐBT-18, ký ngày 03/02/2018 (Hợp đồng số 010302) và Phụ lục hợp đồng số: 010503/SMCLA/PLHĐ-18, ký ngày 05/03/2018 (PLHĐ 010503) giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC LA (Công ty SMC) và Công Ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND (Công ty ND), về việc mua bán beton cement tươi.

Theo Hợp đồng số 010302 và Phụ lục HĐ số 010503, Công ty ND chấp thuận cho Công ty SMC Long An cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình: số 124 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thanh toán: Khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng: Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Công ty ND) Công ty ND có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho Công ty SMC LA trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp beton.

Thực hiện Hợp đồng, từ ngày 08/02/2018 đến ngày 22/06/2018, Công ty SMC LA đã cung cấp bê tông cho Công ty ND tại công trình, tổng giá trị là **807.985.000 đồng**. Đã được đại diện của SMC LA và ND xác nhận tại công trình bằng các Biên bản xác nhận khối lượng.

Sau khi xác nhận khối lượng SMC LA đã xuất và giao cho ND 10 hóa đơn GTGT.

Thanh toán: Từ ngày 07/03/2018 đến ngày 01/07/2019, Công Ty SMC LA được Công ty ND thanh toán tổng cộng 07 đợt, tổng số tiền: **744.285.000 đồng**.

Giá trị còn lại Công ty ND phải thanh toán cho Công ty SMC LA là **63.700.000 đồng.**

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng về thời hạn thanh toán; căn cứ vào Biên bản xác nhận khối lượng sau cùng ngày 22/06/2018 thì thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 02/07/2018.

- Căn cứ vào khoản 2, Điều 3 của Hợp đồng về phạt chậm trả SMC LA có quyền yêu cầu ND phải trả lãi chậm trả theo Điều 306 Luật Thương mại 2005.

- Về lãi suất chậm trả, do không có thông tin về lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, SMC Long An chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước với lãi xuất 9%/năm. Cách tính lãi: Lãi phạt quá hạn = Nợ quá hạn x Số tháng x (9%/12 tháng) trên tổng dư nợ thực tế chậm trả tính từ ngày 01/07/2019 từ ngày thanh toán cuối cùng.

Mặc dù Công ty SMC LA đã hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng và đã nhiều lần đề nghị Công ty ND thanh toán, nhưng Công ty ND chưa thanh toán cũng không có phản hồi gì cho Công ty SMC LA.

Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC LA khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với bị đơn:

- Buộc Công Ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC LA số tiền gốc còn nợ là 63.700.000 đồng;

- Buộc Công Ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC LA khoản tiền lãi do chậm trả với lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước 9%/năm, trên tổng dư nợ thực tế tính từ ngày

01/07/2019 cho đến ngày 27/04/2022 là: 15.765.750 đồng và tiền lãi cho đến ngày trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại SMC LA vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phãi trả tiền nợ gốc là: 63.700.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 02/7/2019 đến 27/5/2022 là 35 tháng 33 ngày, nhưng Công ty SMC LA chỉ tính tròn 35 tháng với mức lãi suất là 8%/năm: 63.700.000 x 0.66%/tháng x 35 tháng = 14.714.700 đồng. Vậy Tổng số tiền Công ty ND phải trả cho Công ty SMC LA là: 78.414.700 đồng.

Bị đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND – Người đại diện theo pháp luật do ông TVV, chức vụ: Giám đốc.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng Công ty ND vắng mặt không có lý do. Theo kết quả xác minh của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND có địa chỉ trụ sở tại quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức) và chưa đăng ký giải thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; việc tiến hành thu thập chứng cứ, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân quận Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA với Công Ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phát sinh từ quan hệ hợp đồng kinh tế về việc mua bán hàng hóa là Beton Cement tươi, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA có mặt tại phiên tòa; Bị đơn Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và

thương mại ND vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn mờ phiên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Theo Hợp đồng số 010302 và Phụ lục hợp đồng số 010503, Công ty ND chấp thuận cho Công ty SMC LA cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình số 124 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thanh toán: Khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng: Căn cứ theo khối lượng và chủng loại bê tông giao nhận thực tế của mỗi đơn hàng (được thể hiện trên phiếu giao hàng có sự ký nhận của đại diện Công ty ND) Công ty ND có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cho Công ty SMC LA trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp bê tông.

Thực hiện Hợp đồng, từ ngày 08/02/2018 đến ngày 22/06/2018, Công ty SMC Long An đã cung cấp bê tông cho Công ty ND tại công trình, tổng giá trị là **807.985.000 đồng**. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng về thời hạn thanh toán; căn cứ vào Biên bản xác nhận khối lượng sau cùng ngày 22/06/2018 thì thời hạn thanh toán sau cùng là ngày 02/07/2018.

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thể hiện việc Công ty SMC LA cung cấp beton cemen tươi cho Công ty ND được thể hiện tại các biên bản xác nhận khối lượng giữa 02 bên tại công trình thi công số: 124 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty SMC LA cũng đã xuất 10 hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000219, ngày 14/3/2018; số 0000216 ngày 12/3/2018, số 0000248 ngày 26/3/2018; số 0000284 ngày 31/3/2018; số 0000372 ngày 28/4/2018; số 0000494 ngày 22/5/2018; số 0000177 ngày 12/02/2018; số 0000634 ngày 08/6/2018; số 0000758 ngày 28/6/2018; số 0000751 ngày 28/6/2018 cho người mua hàng là Công ty ND, vì vậy việc cung cấp beton cemen tươi của Công ty SMC LA cho Công ty ND là có cơ sở.

Về số tiền nợ gốc chưa trả: Tổng giá trị hợp đồng mua bán hàng hóa là **807.985.000 đồng**. Từ ngày 07/03/2018 đến ngày 01/07/2019, Công Ty SMC LA được Công ty ND thanh toán tổng cộng 07 đợt, tổng số tiền: **744.285.000 đồng**; Giá trị còn lại Công ty ND phải thanh toán cho Công ty SMC LA là **63.700.000 đồng.**

Về số tiền lãi: Theo trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, thì nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 02/7/2019 đến ngày 27/5/2022 là: 35 tháng 33 ngày, tuy nhiên Công ty SMC LA chỉ tính lãi tròn 35 tháng với lãi suất 8%/năm trên số tiền nợ gốc: 63.700.000 đồng, tiền lãi là: 14.714.700 đồng. Căn cứ vào lãi suất cho vay ngắn hạn của 03 Ngân hàng, gồm: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức thì lãi suất quá hạn trung bình là 8,33%/năm, vì vậy việc yêu cầu lãi nợ quá hạn 8%/năm của Công ty SMC LA đối với Công ty ND là có lợi cho bị đơn và có cơ sở pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét các thỏa thuận giữa các bên được lập bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật về hợp đồng, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, tuy nhiên Công Ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Công ty SMC LA đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Công ty vẫn không thanh toán.

Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ như sau**:** Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp, vì vậy yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại SMC LA là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại 2005;

- Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật phí và lệ phí năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA:

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phải trả cho Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA số tiền nợ gốc là: 63.700.000 (sáu mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng; Tiền nợ lãi tính đến ngày 27/5/2022 là: 14.714.700 (mười bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn bảy trăm) đồng. Tổng cộng là: 78.414.700 (bảy mươi tám triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 3.920.735. đồng, Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA tiền tạm ứng án phí là: 3.000.000(ba triệu) đồng, theo biên lai thu số: AA/2019/0057016, ngày 19/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại ND có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết; Công ty Cổ phần sản xuất thương mại SMC LA có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thủ Đức;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án,
- Vp.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thành Đức